



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN  
VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 25

110  
C  
CH  
DE  
VI  
S E

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Võ Thành Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Việt Thắng	Ủy viên
Ông Nguyễn Đức Đối	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2012)
Ông Phan Hồng Quân	Ủy viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Ủy viên (Bỏ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2012)

#### **Ban Giám đốc**

Ông Võ Thành Trung	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Tấn Tường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Hội đồng Quản trị có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

11250  
ING T  
HIỆM H  
LOIT  
T NA  
A - TP

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty đã được Hội đồng Quản trị xem xét và thông qua.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



**Nguyễn Văn Thanh**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

*Ngày 21 tháng 3 năm 2013*



**Võ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc



Số: 685 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 3 năm 2013, từ trang 4 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ hạn chế phạm vi kiểm toán được trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế về phạm vi kiểm toán:


Như trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010, năm 2011 và năm 2012. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

### Ý kiến ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những điều chỉnh cần thiết do ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



**Đặng Chí Dũng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0030/KTV  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 21 tháng 3 năm 2013  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

  
**Nguyễn Quang Trung**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0733/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>1.465.196.581.337</b>	<b>1.804.835.768.502</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>639.705.515.200</b>	<b>476.889.834.445</b>
1. Tiền	111		13.088.515.200	2.889.834.445
2. Các khoản tương đương tiền	112		626.617.000.000	474.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>181.118.326.000</b>	<b>699.583.062.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	181.118.326.000	709.185.326.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	(9.602.264.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>598.518.199.045</b>	<b>603.265.440.981</b>
1. Phải thu khách hàng	131		143.299.041.484	218.389.639.601
2. Trả trước cho người bán	132	7	431.720.413.857	358.838.193.495
3. Các khoản phải thu khác	135		23.498.743.704	26.037.607.885
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>29.505.333.647</b>	<b>25.011.431.076</b>
1. Hàng tồn kho	141		37.471.023.157	32.977.120.586
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>16.349.207.445</b>	<b>86.000.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.320.000	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.956.389.711	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		351.497.734	86.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 220+250+260)	<b>200</b>		<b>1.915.660.735.532</b>	<b>1.536.423.623.311</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.898.856.355.963</b>	<b>1.519.619.243.742</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	982.469.629.484	1.058.288.325.163
- Nguyên giá	222		2.955.141.550.617	2.945.132.219.074
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.972.671.921.133)	(1.886.843.893.911)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	916.386.726.479	461.330.918.579
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>14.812.957.192</b>	<b>14.812.957.192</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	11	5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	9.812.957.192	9.812.957.192
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.991.422.377</b>	<b>1.991.422.377</b>
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.991.422.377	1.991.422.377
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.380.857.316.869</b>	<b>3.341.259.391.813</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 01-DN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>932.233.677.331</b>	<b>998.684.503.929</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>720.357.142.474</b>	<b>740.688.238.168</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	591.015.250.928	522.019.557.378
2. Phải trả người bán	312		12.281.253.102	24.974.453.314
3. Người mua trả tiền trước	313		1.055.829.000	985.354.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	67.124.254.795	57.334.695.273
5. Phải trả người lao động	315		5.395.728.189	4.926.623.293
6. Chi phí phải trả	316		3.516.009.993	3.779.331.868
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	38.276.794.378	126.509.483.970
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.692.022.089	158.739.072
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>211.876.534.857</b>	<b>257.996.265.761</b>
1. Vay và nợ dài hạn	334	16	211.876.534.857	257.844.485.957
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	151.779.804
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>2.448.623.639.538</b>	<b>2.342.574.887.884</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>2.447.376.388.082</b>	<b>2.340.915.451.656</b>
1. Vốn điều lệ	411	17	2.062.412.460.000	2.062.412.460.000
2. Cổ phiếu quỹ	414	17	(47.117.531.962)	(47.117.531.962)
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(7.338.762.414)	(7.752.006.653)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		21.500.000.000	21.500.000.000
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		26.880.000.000	26.880.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	391.040.222.458	284.992.530.271
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>1.247.251.456</b>	<b>1.659.436.228</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		1.247.251.456	1.659.436.228
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.380.857.316.869</b>	<b>3.341.259.391.813</b>



**Võ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

**Huỳnh Công Hà**  
Kế toán trưởng

**Lê Văn Chương**  
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		2012	2011
	số	minh		
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	18	324.548.953.331	447.769.529.621
2. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	19	150.194.585.605	179.181.488.177
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		174.354.367.726	268.588.041.444
4. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	99.821.877.949	144.172.109.461
5. Chi phí tài chính - Bao gồm: Chi phí lãi vay	22 23	21	(5.378.875.264) 4.223.388.736	36.385.902.782 4.126.964.228
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.496.791.429	15.299.138.393
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-25)	30		265.058.329.510	361.075.109.730
8. Thu nhập khác	31		195.188.744	257.892.806
9. Chi phí khác	32		87.565.072	40.707.301
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		107.623.672	217.185.505
11. Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		265.165.953.182	361.292.295.235
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	31.373.957.895	34.253.859.886
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		233.791.995.287	327.038.435.349



**Võ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013

**Huỳnh Công Hà**  
Kế toán trưởng

**Lê Văn Chương**  
Người lập



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số		
		2012	2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	265.165.953.182	361.292.295.235
2. Điều chỉnh cho các khoản:		(19.874.136.666)	6.584.672.327
- Khấu hao tài sản cố định	02	85.326.616.547	116.672.807.090
- Các khoản dự phòng	03	(9.602.264.000)	9.602.264.000
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	20.354.746.470
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(99.821.877.949)	(144.172.109.461)
- Chi phí lãi vay	06	4.223.388.736	4.126.964.228
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	245.291.816.516	367.876.967.562
- Thay đổi các khoản phải thu	09	56.164.351.495	(61.064.680.326)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(4.493.902.571)	16.895.337.951
- Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	6.031.860.905	14.686.082.962
- Thay đổi chi phí trả trước	12	(41.320.000)	36.120.091
- Tiền lãi vay đã trả	13	(4.710.887.631)	(35.723.667.833)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(35.814.190.909)	(22.260.668.235)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	67.196.981
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(3.143.585.103)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>262.427.727.805</b>	<b>277.369.104.050</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(546.738.685.446)	(420.063.655.830)
2. Tiền chi cho vay các đơn vị khác	23	-	(233.500.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác	24	402.067.000.000	75.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.065.101.307	151.907.157.838
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(39.606.584.139)</b>	<b>(426.656.497.992)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.001.172.528.499	551.643.031.328
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(977.731.541.810)	(318.441.821.494)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(83.446.449.600)	(278.448.596.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(60.005.462.911)</b>	<b>(45.247.386.166)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>162.815.680.755</b>	<b>(194.534.780.108)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>476.889.834.445</b>	<b>671.424.614.553</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>639.705.515.200</b>	<b>476.889.834.445</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu hồi cho vay từ đơn vị khác không bao gồm số tiền 126 tỷ VND là khoản cổ tức phải trả Tập đoàn Điện lực Việt Nam được thực hiện bằng cách bù trừ khoản cho vay theo Công văn số BT36/EVN-TCKT ngày 29 tháng 3 năm 2012.

Cổ tức đã trả trong năm không bao gồm số tiền 37.898.298.000 VND là cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán cho các cổ đông.

Tiền dùng để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn trong năm bao gồm số tiền 73.258.826.362 VND là số tiền ứng trước cho các nhà thầu nhưng chưa nghiệm thu giá trị công trình và không bao gồm 8.878.081.094 VND là giá trị khối lượng xây dựng cơ bản dở dang đã hoàn thành nhưng chưa được thanh toán trong năm.

Vi vậy, các khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu, phải trả.



Ngày 21 tháng 3 năm 2013

**Huỳnh Công Hà**  
Kế toán trưởng

**Lê Văn Chương**  
Người lập



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh ("Nhà máy"). Trước khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Nhà máy là đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam ("EVN").

Theo Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 28 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp Nhà nước thuộc EVN giai đoạn 2003 - 2005 và Quyết định số 2992/QĐ-TCCB của Bộ Công nghiệp về việc cổ phần hoá Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh có nhiệm vụ thực hiện cổ phần hoá trong năm 2004. Ngày 2 tháng 12 năm 2004, Bộ Công nghiệp ra Quyết định số 151/2004/QĐ-BCN về việc chuyển Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh thành Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh.

Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên mới là Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 04 tháng 5 năm 2005 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi, bổ sung.

Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán trên Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 01/QĐ-TTGDHN. Ngày 28 tháng 6 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 54/UBCK-GDNY của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 158 người (31 tháng 12 năm 2011: 127 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất điện năng (vận hành hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và nhà máy thủy điện Sông Hinh). Toàn bộ sản lượng điện của Công ty được bán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN).

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC ("Thông tư 179") quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hình. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với nhà máy thủy điện Sông Hình). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho từ năm 2007 theo các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Tài sản	2012 (Số năm sử dụng)
Nhà cửa và vật kiến trúc	20 - 50
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 10

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Đầu tư vào công ty con**

Khoản đầu tư vào Công ty con phản ánh khoản đầu tư vào Công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này. Khoản đầu tư vào Công ty con được ghi nhận theo giá gốc.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Khoản đầu tư vào Công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng phát sinh được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng ngay sau khi sản lượng điện sản xuất phát lên lưới điện quốc gia có xác nhận hàng tháng của EVN. Doanh thu bán điện được ghi nhận không phụ thuộc vào việc đã nhận được tiền hay chưa.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ để thực hiện hoạt động xây dựng cơ bản và chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán, thuộc mục Vốn chủ sở hữu. Hoạt động xây dựng cơ bản trong năm của Công ty là các hoạt động xây dựng các nhà máy thủy điện mới Thượng Kon Tum và Vĩnh Sơn 2 và 3. Theo kế hoạch của Công ty đã cam kết với địa phương là sau khi Dự án thủy điện Thượng Kon Tum bắt đầu phát điện thì Công ty thành lập một công ty con (Công ty TNHH Một thành viên Thủy điện Thượng Kon Tum) để tiếp nhận vận hành và kinh doanh. Số dư khoản mục chênh lệch tỷ giá trên Bảng cân đối kế toán sẽ được chuyển cho công ty con này khi các Nhà máy thủy điện này hoàn thành và bắt đầu hoạt động. Các chênh lệch tỷ giá khác ngoài chênh lệch tỷ giá liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản đã đề cập ở trên được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Tiền mặt	363.279.776	357.127.164
Tiền gửi ngân hàng	12.725.235.424	2.532.707.281
Các khoản tương đương tiền (i)	626.617.000.000	474.000.000.000
	<u>639.705.515.200</u>	<u>476.889.834.445</u>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 13 và Thuyết minh số 16, các hợp đồng tiền gửi với tổng số tiền là 533.050.000.000 VND đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (i)	30.685.326.000	30.685.326.000
Đầu tư ngắn hạn khác:	150.433.000.000	678.500.000.000
- Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn trên 3 tháng	50.433.000.000	178.500.000.000
- Cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) vay (ii)	100.000.000.000	500.000.000.000
	<u>181.118.326.000</u>	<u>709.185.326.000</u>

(i) Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số lượng cổ phiếu Công ty sở hữu là 3.011.866 cổ phiếu.

(ii) Khoản cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam vay theo hợp đồng đáo hạn vào ngày 25 tháng 6 năm 2011. Lãi suất cho vay trong kỳ từ 9%/năm đến 14%/năm. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, khoản vay đã được Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán.

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Khoản trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm chủ yếu khoản tạm ứng với số tiền là 284.057.318.817 VND cho tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G để thực hiện các hạng mục thuộc Dự án Thượng Kon Tum và các khoản tạm ứng chủ yếu để thi công các hạng mục khác thuộc dự án này.

**8. HÀNG TỒN KHO**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	37.095.930.654	32.138.041.223
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	375.092.503	839.079.363
	<u>37.471.023.157</u>	<u>32.977.120.586</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.965.689.510)	(7.965.689.510)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<u>29.505.333.647</u>	<u>25.011.431.076</u>

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho các vật tư, phụ tùng dự phòng để thay thế phục vụ cho các tổ máy phát điện tại hai nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và Sông Hinh. Các vật tư, phụ tùng dự phòng này có tính đặc chủng dùng để thay thế cho các thiết bị mang tính chất đồng bộ của các tổ máy phát điện và đã tồn kho cùng với thời gian lắp đặt các tổ máy (từ năm 1995 với Nhà máy thủy điện Vĩnh Sơn và từ năm 2000 với Nhà máy thủy điện Sông Hinh). Các vật tư này được lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho dựa trên các ước tính kế toán cho giá trị vật tư bị suy giảm về mặt giá trị.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND	'000VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	2.053.463.838	857.779.462	25.544.863	8.344.056	2.945.132.219
Tăng trong năm	-	8.197.236	-	166.698	8.363.934
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.704.554	-	-	-	1.704.554
Khác	-	(54.469)	915.985	(920.673)	(59.157)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>2.055.168.392</b>	<b>865.922.229</b>	<b>26.460.848</b>	<b>7.590.081</b>	<b>2.955.141.550</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2012	(1.047.371.476)	(817.381.015)	(20.293.165)	(1.798.238)	(1.886.843.894)
Khấu hao trong năm	(68.229.614)	(16.138.744)	(783.614)	(174.645)	(85.326.617)
Khác	-	-	(406.897)	(94.513)	(501.410)
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>(1.115.601.090)</b>	<b>(833.519.759)</b>	<b>(21.483.676)</b>	<b>(2.067.396)</b>	<b>(1.972.671.921)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2012	939.567.302	32.402.470	4.977.172	5.522.685	982.469.629
Tại ngày 31/12/2011	1.006.092.362	40.398.447	5.251.698	6.545.818	1.058.288.325

Như trình bày tại Thuyết minh số 16, theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006, Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351.011.781.600 VND (31/12/2011: 380.085.179.069 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay tại Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên.

Nguyên giá của nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị văn phòng bao gồm các thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 với tổng giá trị là 860.757.681.755 VND (31/12/2011: 401.545.920.266 VND).

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Mua sắm tài sản cố định	8.196.815.250	-
Chi phí XDCB dở dang, bao gồm giá trị các công trình sau:		
<i>Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum (i)</i>	819.469.844.497	385.965.856.211
<i>Dự án Thủy điện Vĩnh Sơn 2&amp;3 (ii)</i>	86.155.898.037	72.999.085.126
Khác	2.564.168.695	2.365.977.242
	<b>916.386.726.479</b>	<b>461.330.918.579</b>

- (i) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum là công trình trên cùng hệ thống bậc thang thủy điện sông Sê San. Công trình có hồ chứa, tuyến đầu mỗi năm trên sông nhánh Đăk Nghé lưu vực sông Sê San, thuộc 2 xã Đăk Kôi, huyện Kon Rẫy và xã Đăk Tăng, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum; nhà máy nằm trên sông Đăk Lò tại xã Đăk Tăng và Ngọc Tem, huyện Kông Plông thuộc lưu vực sông Trà Khúc, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum đã được phê duyệt cho phép đầu tư theo Công văn số 1774/TTg-CN ngày 01 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, trước đây do EVN làm chủ đầu tư và đã chuyển giao lại cho Công ty theo Văn bản số 32EVN/HDQT ngày 13 tháng 01 năm 2006 của EVN.
- (ii) Dự án thủy điện Vĩnh Sơn 2&3 được UBND tỉnh Bình Định cấp Giấy chứng nhận đầu tư ngày 7 tháng 11 năm 2007.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Du lịch kỹ thuật VSH.

<u>Tên công ty con</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn và Dịch vụ kỹ thuật VSH	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	100%	100%	Tư vấn và dịch vụ kỹ thuật

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Số dư khoản mục đầu tư vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định.

<u>Tên công ty liên kết</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Bình Định	TP. Quy Nhơn Tỉnh Bình Định	49,72%	49,72%	Du lịch, khách sạn...

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Quân đội	5.612.783.429	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	15.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	230.732.272.872	138.991.840.328
Ngân hàng TMCP Đại Dương	66.413.226.350	84.084.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	69.689.758.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	8.665.192.300	10.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	109.382.822.227	-
Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố Hồ Chí Minh	19.551.244.650	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	20.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	16.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	9.800.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Tây	-	5.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>		
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	24.764.751.100	24.764.751.100
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	21.203.200.000	38.378.965.950
	<b><u>591.015.250.928</u></b>	<b><u>522.019.557.378</u></b>

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại, đáo hạn trong vòng 1 năm kể từ ngày rút vốn. Các khoản vay được rút bằng Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ, được dùng để bổ sung vốn lưu động và tài trợ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản. Các khoản vay chịu lãi suất từ 3%/năm đến 6%/năm (đối với khoản vay bằng USD) và chịu lãi suất từ 11,5%/năm đến 17,5%/năm (đối với khoản vay bằng VND). Công ty đã sử dụng các hợp đồng tiền gửi trị giá 513.050.000.000 VND để đảm bảo cho các khoản vay này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	954.673.928
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.813.626.872	34.253.859.886
Thuế tài nguyên	632.400.728	2.501.079.834
Phí bảo vệ môi trường	35.015.880.480	18.064.621.600
Các loại thuế khác	1.662.346.715	1.560.460.025
	<u><b>67.124.254.795</b></u>	<u><b>57.334.695.273</b></u>

Trong năm 2012, Cục thuế Bình Định đã thực hiện kiểm tra hồ sơ kê khai thuế GTGT và thuế TNDN của Công ty cho giai đoạn 2007-2011. Tại thời điểm lập báo cáo này, Cục thuế Bình Định chưa có kết luận kiểm tra.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	38.033.354.500	126.351.142.500
Phải trả khác	243.439.878	158.341.470
	<u><b>38.276.794.378</b></u>	<u><b>126.509.483.970</b></u>

**16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	176.749.734.857	201.514.485.957
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (ii)	15.626.800.000	36.830.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu (iii)	19.500.000.000	19.500.000.000
	<u><b>211.876.534.857</b></u>	<u><b>257.844.485.957</b></u>

- (i) Khoản vay bằng ngoại tệ (USD) được bàn giao từ doanh nghiệp Nhà nước - Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hình ("Nhà máy") khi chuyển sang công ty cổ phần.

Ngày 22 tháng 11 năm 2005, Công ty đã ký Hợp đồng tín dụng vốn ODA số 01/TDNN với Quỹ Hỗ trợ Phát triển Phú Yên, nay là Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Việt Nam tại Phú Yên, nhận nợ lại các khoản vay để đầu tư Dự án Nhà máy Thủy điện Sông Hình, bao gồm các khoản:

- Vay Quỹ Phát triển Bắc Âu (NDF) số tiền là 8.378.301,48 USD, không tính lãi, chịu phí quản lý vốn vay 0,2%/năm và phí dịch vụ 0,75%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 30 năm (từ năm 2005 đến năm 2035), mỗi năm hai lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Từ năm 2005 đến năm 2014 mức trả nợ bằng 1% trên tổng số vốn gốc (tức là 83.783,01 USD/kỳ); và bằng 4% trên tổng số vốn gốc (tức là 167.566,02 USD/kỳ) trong những năm còn lại. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 01 tháng 12 năm 2005, kỳ trả cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2035. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 3%/năm.
- Vay Ngân hàng Đầu tư Bắc Âu (NIB) số tiền là 10.725.187,27 USD với lãi suất bằng lãi suất LIBOR cộng mức chênh lệch lãi suất (margin), mức lãi suất cụ thể sẽ do NIB thông báo theo từng thời điểm. Phí quản lý vốn vay là 0,2%/năm tính trên số dư nợ vay. Nợ gốc được trả trong 10 năm (từ 2005 đến 2015), mỗi năm 2 lần vào ngày 31/3 và ngày 30/9. Mức trả nợ gốc mỗi kỳ là 510.723,21 USD. Thời điểm phải trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 1 tháng 6 năm 2005 và kỳ trả nợ cuối cùng vào ngày 31 tháng 3 năm 2015. Lãi suất nợ vay quá hạn tính bằng 9%/năm.

Công ty đã thế chấp các tài sản tại Nhà máy Thủy điện Sông Hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 351.011.781.600 VND để đảm bảo cho các khoản tiền vay nói trên theo Hợp đồng thế chấp số 01/2006/HĐTCTS-TL ngày 12 tháng 4 năm 2006.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(ii) Các khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (“VIB”) - chi nhánh Quy Nhơn, bao gồm:

- Hợp đồng vay vốn số 0018/HĐTD2-VIB412.10 ngày 8 tháng 6 năm 2010, thời hạn vay 60 tháng, hạn mức vay là 52.096.000.000 VND, lãi suất: điều chỉnh 6 tháng 1 lần, bằng lãi suất điều chỉnh vốn kinh doanh kỳ hạn 6 tháng VND của VIB + lãi suất biên tối thiểu là 1,8% năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ. Khoản vay được tin chấp.
- Hợp đồng vay vốn số HĐ 0022/HĐTD2-VIB412.10 ngày 27 tháng 9 năm 2010, hạn mức tín dụng 40 tỷ VND, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh của VIB cộng (+) biên độ tối thiểu 1,8%/năm. Khoản vay được hoàn trả 6 tháng /lần, ngày trả nợ gốc đầu tiên 06/3/2011. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài khoản của Công ty mở tại ngân hàng.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số BDL.DN.02231210 ngày 26 tháng 12 năm 2010 ký với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Định, hạn mức tiền vay 262 tỷ đồng. Thời hạn cho vay 120 tháng, ân hạn 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ, được cố định cho từng tháng. Lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng nhận lãi sau của ngân hàng cho vay cộng phí biên 3,1%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng hợp đồng tiền gửi trị giá 20 tỷ VND.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	45.967.951.100	63.143.717.050
Trong năm thứ hai	39.083.951.101	45.965.951.100
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.487.329.030	70.841.150.002
Sau năm năm	124.305.254.726	141.037.384.855
	<b>257.844.485.957</b>	<b>320.988.203.007</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	45.967.951.100	63.143.717.050
Số phải trả sau 12 tháng	<b>211.876.534.857</b>	<b>257.844.485.957</b>

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn điều lệ</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận chưa phân phối</u>
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	2.062.412.460.000	(47.117.531.962)	362.925.515.922
Lợi nhuận trong năm	-	-	327.038.435.349
Công bố chia cổ tức trong năm	-	-	(404.482.492.000)
Trích lập các quỹ	-	-	(488.929.000)
Số dư tại ngày 01/01/2012	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>(47.117.531.962)</b>	<b>284.992.530.271</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	233.791.995.287
Công bố chia cổ tức trong năm (i)	-	-	(121.344.747.600)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	(5.742.055.500)
Khác	-	-	(657.500.000)
Số dư tại ngày 31/12/2012	<b>2.062.412.460.000</b>	<b>(47.117.531.962)</b>	<b>391.040.222.458</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1108/2012/NQ-VSH-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 11 năm 2012, Công ty đã công bố tạm chia cổ tức năm 2012 theo tỷ lệ 6%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cổ tức đã công bố trong năm nhưng chưa thanh toán cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam là 37.810.168.800 VND.

(ii) Là số tiền tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2012 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Số tạm trích lập các quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi năm 2012 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt bởi Đại hội đồng cổ đông.

**Cơ cấu góp vốn**

	31/12/2012		31/12/2011	
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)	30,55	630.169.054.175	30,55	630.169.054.175
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)	24,00	494.978.961.600	24,00	494.978.961.600
Cổ đông khác	45,45	937.264.444.225	45,45	937.264.444.225
	100,00	2.062.412.460.000	100,00	2.062.412.460.000

**Cổ phiếu**

	31/12/2012	31/12/2011
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
Cổ phiếu phổ thông	206.241.246	206.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	202.241.246	202.241.246
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2012	2011
	VND	VND
Doanh thu bán điện (*)	323.546.138.786	447.435.760.621
Doanh thu dịch vụ khác	1.002.814.545	333.769.000
	<b>324.548.953.331</b>	<b>447.769.529.621</b>

(\*) Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam vẫn chưa có thỏa thuận chính thức về mức giá mua bán điện áp dụng cho năm 2010, năm 2011 và năm 2012. Doanh thu các năm này được ghi nhận trên cơ sở tạm tính và sẽ điều chỉnh lại khi có đơn giá thống nhất giữa Công ty và Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu năm 2010 và 11 tháng đầu năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 90% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu tháng 12 năm 2011 được Công ty ghi nhận trên cơ sở đơn giá bằng 76% đơn giá bán điện của năm 2009. Doanh thu năm 2012 được ghi nhận với đơn giá bình quân là 382 VND/Kwh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HINH**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn

Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn sản xuất điện	149.310.672.361	179.029.230.854
Giá vốn hoạt động khác	883.913.244	152.257.323
	<b>150.194.585.605</b>	<b>179.181.488.177</b>

**20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.720.607.824	2.537.158.474
Chi phí nhân công	22.225.524.490	18.287.959.044
Chi phí khấu hao tài sản cố định	85.326.616.547	116.672.807.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.544.658.946	4.624.858.697
Chi phí khác	49.409.982.367	53.017.914.582
	<b>164.227.390.174</b>	<b>195.140.697.887</b>

**21. LỢI NHUẬN THUẬN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu tài chính</b>		
Lãi tiền gửi ngân hàng	97.527.016.842	137.723.710.392
Cổ tức được chia	2.294.861.107	6.448.399.069
	<b>99.821.877.949</b>	<b>144.172.109.461</b>
<b>Chi phí tài chính</b>		
Lãi tiền vay	4.223.388.736	4.126.964.228
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	1.055.843.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	21.600.831.507
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(9.602.264.000)	9.602.264.000
	<b>(5.378.875.264)</b>	<b>36.385.902.782</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động tài chính</b>	<b>105.200.753.213</b>	<b>107.786.206.679</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**22. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2012</b>	<b>2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	265.165.953.182	361.292.295.235
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	2.294.861.107	6.448.399.069
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>262.871.092.075</b>	<b>354.843.896.166</b>
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động chính chịu thuế 5%	159.738.674.996	253.288.903.051
Thu nhập khác chịu thuế 25%	103.132.417.079	101.554.993.115
Thuế suất ưu đãi	5%	5%
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	33.770.038.020	38.053.193.431
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011	-	3.799.333.545
Giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp theo Thông tư 140/2012/TT-BTC ngày 21/8/2012	2.396.080.125	-
	<b>31.373.957.895</b>	<b>34.253.859.886</b>

**23. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Ngày 17 tháng 9 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 786/2010/HĐ-VSH-LD với Tổ hợp nhà thầu Công ty Cổ phần Xây dựng 47, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Tiến Dung và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 về việc thiết kế, cung cấp thiết bị và thi công xây lắp tuyến áp lực Dự án thủy điện Thượng Kon Tum với giá trị là 505.583.654.488 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần khối lượng công việc đã thực hiện là 94,4 tỷ đồng.

Ngày 20 tháng 10 năm 2010, Công ty ký Hợp đồng số 885/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công tuyến năng lượng giai đoạn 2 Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum và Hợp đồng số 886/2010/HD-VSH-TH với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G về việc thiết kế và thi công hầm dẫn nước (từ Km0+270 đến Km3+000) Dự án Thủy điện Thượng Kon Tum với tổng giá trị là 1.324.037.315.815 VND và 25.000.000 USD. Công ty tiếp tục ký với Tổ hợp nhà thầu Hydrochina Huadong - CR18G Phụ lục hợp đồng số 930/2011/BSHD-VSH-HHCR-18G của hợp đồng số 886/2010/HD-VSH-TH ngày 12 tháng 10 năm 2011 về việc thi công đợt 2 gia cố trong và ngoài hầm dẫn nước (từ Km0+000 đến Km0+270) và Phụ lục hợp đồng số 827/2012/PLHD-VSH-TH ngày 17 tháng 8 năm 2012 về việc xây dựng trạm phân phối điện với tổng giá trị lần lượt là 6.723.438.229 VND và 27.035.830.000 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2012, phần khối lượng công việc đã thực hiện của các hợp đồng này khoảng 172 tỷ đồng.

**24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 và 16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
Các khoản vay	802.891.785.785	779.864.043.335
Tiền và các khoản tương đương tiền	639.705.515.200	476.889.834.445
Nợ thuần	163.186.270.585	302.974.208.890
Vốn chủ sở hữu	2.448.623.639.538	2.342.574.887.884
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,07</b>	<b>0,13</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	639.705.515.200	476.889.834.445
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.797.785.188	244.427.247.486
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	699.583.062.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>987.621.626.388</b>	<b>1.420.900.143.931</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	802.891.785.785	779.864.043.335
Phải trả người bán và phải trả khác	50.558.047.480	151.483.937.284
Chi phí phải trả	3.516.009.993	3.779.331.868
<b>Tổng cộng</b>	<b>856.965.843.258</b>	<b>935.127.312.487</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ	296.581.927.897	352.822.633.385	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tỷ lệ áp dụng để tính độ nhạy đối với ngoại tệ được Ban Giám đốc xác định là 5% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ (USD) so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng 14,829 tỷ đồng

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 sẽ giảm/tăng 11,93 tỷ đồng.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa..

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Khoản phải thu khách hàng của Công ty đến từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam-Công ty Mua bán điện EPTC (một bên liên quan) với số tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 143.299.041.484 VND. Ban Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng của Công ty ở mức thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	639.705.515.200	-	639.705.515.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	166.797.785.188	-	166.797.785.188
Đầu tư ngắn hạn	181.118.326.000	-	181.118.326.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>987.621.626.388</b>	<b>-</b>	<b>987.621.626.388</b>
<b>31/12/2012</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	50.558.047.480	-	50.558.047.480
Chi phí phải trả	3.516.009.993	-	3.516.009.993
Các khoản vay	591.015.250.928	211.876.534.857	802.891.785.785
<b>Tổng cộng</b>	<b>645.089.308.401</b>	<b>211.876.534.857</b>	<b>856.965.843.258</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>342.532.317.987</b>	<b>(211.876.534.857)</b>	<b>130.655.783.130</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Trên 1 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>31/12/2011</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	476.889.834.445	-	476.889.834.445
Phải thu khách hàng và phải thu khác	244.427.247.486	-	244.427.247.486
Đầu tư ngắn hạn	699.583.062.000	-	699.583.062.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.420.900.143.931</b>	<b>-</b>	<b>1.420.900.143.931</b>
<b>31/12/2011</b>			
Phải trả người bán và phải trả khác	151.483.937.284	-	151.483.937.284
Chi phí phải trả	3.779.331.868	-	3.779.331.868
Các khoản vay	522.019.557.378	257.844.485.957	779.864.043.335
<b>Tổng cộng</b>	<b>677.282.826.530</b>	<b>257.844.485.957</b>	<b>935.127.312.487</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>743.617.317.401</b>	<b>(257.844.485.957)</b>	<b>485.772.831.444</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN VĨNH SƠN - SÔNG HÌNH**

Số 21 đường Nguyễn Huệ, thành phố Quy Nhơn  
Tỉnh Bình Định, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.




**Võ Thành Trung**  
Tổng Giám đốc

Ngày 21 tháng 3 năm 2013



---

**Huỳnh Công Hà**  
Kế toán trưởng



---

**Lê Văn Chương**  
Người lập